

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 26-8-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hữu Thắng.

2. Ông Dư Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thuý Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2025 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng P, sinh năm 1990 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, tỉnh Tây Ninh.

– *Bị đơn:* Bà Trần Ngọc M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số B đường N, phường P, thành phố Cần Thơ (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Trọng P trình bày: Ông Nguyễn Trọng P và bà Trần Ngọc M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/9/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ông P và bà M đã không còn chung sống từ tháng 9/2023 đến nay. Thời kỳ

hôn nhân ông P và bà M có một con chung là Nguyễn Trần Thanh T, sinh ngày 24/3/2017, hiện đang chung sống với bà M. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay ông Nguyễn Trọng P yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng P yêu cầu được ly hôn với bà Trần Ngọc M. Về con chung: Ông P đồng ý giao con chung là Nguyễn Trần Thanh T, sinh ngày 24/3/2017 cho bà Trần Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.300.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

– Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2025 bị đơn bà Trần Ngọc M trình bày: Bà M thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Trọng P về thời gian chung sống, thời gian kết hôn và con chung. Nay ông P yêu cầu ly hôn thì bà M không đồng ý vì bà M còn tình cảm với ông P, muốn cho con có một gia đình trọn vẹn. Trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn thì bà M yêu cầu được nuôi con vì hiện nay con chung là Nguyễn Trần Thanh T đang chung sống với bà M và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho nguyên đơn ông Nguyễn Trọng P và bà Trần Ngọc M nhưng ông P và bà M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng P, nhận thấy ông Phú và bà Trần Ngọc M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 11/9/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ông P và bà M đã không còn chung sống từ tháng 9/2023 đến nay. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2025 bà M trình bày, bà còn tình cảm với ông P và muốn con có một gia đình trọn vẹn nên không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên ông P nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà M, nhưng ông P vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông P được ly hôn với bà M.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông P và bà M có một người con chung Nguyễn Trần Thanh T, sinh ngày 24/3/2017, hiện nay đang chung sống với bà M. Ông P đồng ý giao con chung cho bà M nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bà M cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu Nguyễn Trần Thanh T, sinh ngày 24/3/2017 hiện đang chung sống với bà M, để đảm bảo cho môi trường sống của cháu T không bị xáo trộn, để cháu phát triển toàn diện về mọi mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông P, giao con chung là Nguyễn Trần Thanh T cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[4] Đối với việc cấp dưỡng, ông P đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.300.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong khi đó, bà M yêu cầu trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn thì bà M yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì *“Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Toà án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Toà án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”*. Theo Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì ông Phú cư trú tại ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Long An (cũ) thuộc Vùng IV, mức lương tối thiểu vùng là 3.450.000 đồng, trường hợp trên ông P và bà M không thuận được mức cấp dưỡng, theo quy định mức cấp dưỡng Toà án quyết định không thấp hơn $3.450.000 \text{ đồng} : 2 = 1.720.000 \text{ đồng}$, ông P đồng ý cấp dưỡng hàng tháng với số tiền 2.300.000 đồng là cao hơn 1.720.000 đồng và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của ông P mỗi tháng 2.300.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử đến khi cháu Nguyễn Trần Thanh T đủ 18 tuổi. Bà M yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Ông P và bà M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông P và bà M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Ông P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng P.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng P được ly hôn với bà Trần Ngọc M.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trần Thanh T, sinh ngày 24/3/2017 cho bà Trần Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi Nguyễn Trần Thanh T đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Trọng P phải cấp dưỡng nuôi con là Nguyễn Trần Thanh T mỗi tháng 2.300.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm (17/7/2025) đến khi Nguyễn Trần Thanh T đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Trọng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trọng P và bà Trần Ngọc M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Trọng P và bà Trần Ngọc M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Trọng P phải chịu 600.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000281, ngày 25/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Trần Trọng P còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Bà Trần Ngọc M không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND KV5-CT;
- UBND P. Phú Lợi, TPCT
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh